

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VC
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HSST

Ngày: 14/9/2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi công tác: Sinh hoạt Đảng tại Chi bộ khóm 1, phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Thái Trung Nghĩa.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội Chữ thập đỏ thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC tham gia phiên tòa: Bà Trần Kiều Mỹ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã VC xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Lâm Thị Đ (Chành Đ), sinh năm 1995; Cư trú tại: Ấp TV B, xã VT, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Khmer, Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Lâm H (s) và bà Sơn Thị N (s); Anh chị em ruột có: 03 người; Từ năm 2014 đến năm 2015 sống chung với Ngô Som N (sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn) và có 01 đứa con; Từ năm 2016 đến nay sống chung với Kim M (sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn) và không có con; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2017, sau đó chuyển tạm giam đến nay; (Bị cáo có mặt).

Người bị hại: Danh Thanh C, sinh năm: 1996; (có mặt);

Cư trú tại: ấp TT, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Danh C, sinh năm: 1993; Cư trú tại: Ấp A2, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

2. Mã Tân H, sinh năm: 1956; Cư trú tại: Khóm 1, phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

3. Nguyễn Văn N, sinh năm: 1989; Cư trú tại: ấp PT, xã LH, huyện BL, tỉnh Long An; (vắng mặt).

4. Ngô Som N, sinh năm 1992; Cư trú tại: Khóm VA, phường 2, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Lâm Diệp Panh, Cán bộ Hội nông dân phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lâm Thị Đ bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC truy tố với hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 21/01/2017, Kim M đi dự đám cưới tại huyện TT, tỉnh Sóc Trăng và sau đó Kim M rủ Danh Thanh C đến chơi nhà của M tại ấp PC, xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Khi đi C giao chiếc xe mô tô biển số 62N1-154.37 cho M điều khiển đi về nhà của Kim M và tổ chức nhậu. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì hết đồ ăn, nên Kim M mới đưa 40.000 đồng và nhờ Lâm Thị Đ đi mua đồ ăn. Lúc này, Kim M đưa chìa khóa cùng với chiếc xe mô tô biển số 62N1-154.37 cho Đ đi mua đồ ăn và được sự đồng ý của Danh Thanh C. Sau khi điều khiển chiếc xe nêu trên đi mua đồ ăn cho M và C, do không có tiền tiêu xài, nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nêu trên. Sau đó Đ đem chiếc xe nêu trên bán cho ông Mã Tấn H tại khóm 1, phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng với số tiền là 7.500.000 đồng. Lâm Thị Đ dùng số tiền nêu trên mua 01 cái điện thoại di động hiệu FPT X5 với số tiền 1.400.000 đồng, mua 01 đôi bông tai và 01 sợi dây chuyền tổng cộng số tiền 3.546.000 đồng, số tiền còn lại Đa tiêu xài và mua vé xe bỏ trốn đi Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 31/01/2017 Lâm Thị Đ về quê ăn tết thì bị cơ quan Công an mời làm việc, Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Sau đó, Lâm Thị Đ tiếp tục bỏ trốn khỏi địa phương và đến ngày 30/4/2017 thì Đ bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại cơ quan điều tra Công an thị xã VC, Lâm Thị Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

- Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS, ngày 08/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản của Ủy ban nhân dân thị xã VC đã định giá như sau: chiếc xe mô tô hiệu Yamaha biển số 62N1-154.37 có giá trị còn lại là 6.900.000 đồng.

- Tại Cáo trạng số: 23/QĐ-KSĐT ngày 22/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC đã truy tố bị cáo Lâm Thị Đ, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lâm Thị Đ thừa nhận hành vi phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” của bị hại Danh Thanh C. Do đó, hành vi của bị cáo Lâm Thị Đ có đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lâm Thị Đ về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điểm a khoản 1 Điều 140; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lâm Thị Đ mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Danh Thanh C đã nhận tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên không xem xét; Buộc bị cáo Lâm Thị

Đ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Mã Tấn H số tiền bán xe là 7.500.000 đồng;

Về xử lý vật chứng: Đối với các tài sản do cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Lâm Thị Đ gồm: Tiền Việt Nam 1.035.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng 18k có đính hột màu trắng, trọng lượng 0,235 chỉ; 01 điện thoại di động hiệu FPT X5 màu vàng-trắng. Để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cho cơ quan Thi hành án dân sự thị xã VC tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc bồi thường phần dân sự cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Tấn H.

- Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận sau khi được nhận chiếc xe mô tô hiệu Yamaha biển số 62N1-154.37 của bị hại Danh Thanh C, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt đem bán để lấy tiền tiêu xài cho cá nhân đúng như Cáo trạng đã truy tố cũng như lời trình bày của bị hại và những người làm chứng; Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lâm Thị Đ đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Mã Tấn H với số tiền 7.500.000 đồng; Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

- Tại phiên tòa bị hại Danh Thanh C thống nhất với nội dung Cáo trạng truy tố, lời nhận tội của bị cáo và ý kiến đề nghị của vị Kiểm sát viên; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại C đã nhận lại chiếc xe bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác; Về hình phạt: đề nghị xử phạt bị cáo Đ theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Tấn H trình bày: Khi bị cáo Lâm Thị Đ đem chiếc xe mô tô hiệu Yamaha biển số 62N1-154.37 lại bán, ông H không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có và thấy có giấy tờ đầy đủ nên mới đồng ý mua. Hiện nay ông H đã giao chiếc xe nêu trên cho cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật. Ông Mã Tấn H yêu cầu bị cáo Lâm Thị Đ trả lại số tiền 7.500.000 đồng mà bị cáo Đ đã bán xe cho ông H.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh C trình bày: Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha biển số 62N1-154.37 do ông C mua lại của người khác. Vào ngày 21/01/2017 ông Chí có cho Danh Thanh C mượn sử dụng. Hiện nay ông Danh C đã nhận chiếc xe nêu trên và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

*** Về tố tụng:**

+ Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã VC, Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố đã thực hiện đều hợp pháp.

+ Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, Ngô Som N và vắng mặt người làm chứng Tăng Thị D, Sơn Thị Đa N (Chành N), Kim P. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng. Đồng thời, tại phiên tòa vị Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan cũng đề nghị xét xử vắng mặt những người nêu trên. Xét thấy sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 191, Điều 192 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung:**

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lâm Thị Đ đã khai nhận: Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 21/01/2017 sau khi được Kim M và Danh Thanh C giao chiếc xe mô tô hiệu Yamaha biển số 62N1-154.37 dùng đi mua đồ ăn (đồ nhậu), sau đó bị cáo Lâm Thị Đ không có tiền tiêu xài nên mới nảy sinh ý định chiếm đoạt và đem chiếc xe nêu trên bán cho ông Mã Tấn H với số tiền là 7.500.000 đồng để lấy tiền tiêu xài. Nhận thấy lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường cũng như các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, bị cáo Lâm Thị Đ đã có hành vi gian dối sau khi được bị hại Danh Thanh C đã tín nhiệm giao chiếc xe nêu trên một cách ngay thẳng hợp pháp đi mua đồ nhậu, rồi sau đó bị cáo Đ mới nảy sinh ý định chiếm đoạt đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Như vậy, hành vi của bị cáo Lâm Thị Đ đã phạm vào tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cho nên, Cáo trạng số: 23/QĐ-KSĐT ngày 22/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu truy tố bị cáo Lâm Thị Đ, phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo, nên Hội đồng xét chấp nhận.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Thị Đ là nguy hiểm cho xã hội. Do bị cáo Lâm Thị Đ sống chung với Kim M như vợ chồng, nên bị hại Danh Thanh C tin tưởng, tín nhiệm, từ đó mới giao chiếc xe mô tô hiệu Yamaha biển số 62N1-154.37 một cách ngay thẳng hợp pháp để dùng đi mua đồ ăn (đồ nhậu). Tuy nhiên, sau khi được giao xe thì bị cáo Đ lại nảy sinh lòng tham chiếm đoạt chiếc xe nêu trên đem đi bán lấy tiền tiêu xài cho cá nhân một cách trái pháp luật. Bị cáo Đ nhận thức được rằng hành vi lợi dụng sự tín nhiệm của bị hại C khi giao xe cho bị cáo Đ nhận một cách ngay thẳng, rồi sau đó bị cáo có ý định gian dối rồi chiếm đoạt xe của bị hại C đem đi bán lấy tiền tiêu xài cho cá nhân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Mặc khác cũng vì bản chất lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài, nhằm thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân của bị cáo. Cho nên, bị cáo Lâm Thị Đ bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật để lao vào con đường phạm tội mà pháp luật nghiêm cấm. Hành vi của bị cáo Đ không những gây mất trật tự xã hội, mà còn làm mất lòng tin đối với những người dân ở địa phương. Do đó cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian hợp lý để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, đồng thời mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa những người khác phạm tội.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo như: sau khi phạm tội có thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội chưa gây thiệt hại và tài sản được thu hồi trả lại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bị cáo có nhân thân tốt,

không có tiền án, tiền sự, là người dân tộc Khmer và có trình độ học vấn thấp và nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Đối với ông Mã Tấn H trong quá trình điều tra cho rằng khi mua chiếc xe mô tô biển số 62N1-154-37 do bị cáo Lâm Thị Đ đem lại bán không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, cơ quan điều tra Công an thị xã VC chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Mã Tấn H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Danh Thanh C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh C không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tại phiên tòa bị cáo Lâm Thị Đ đồng ý bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mã Tấn H với số tiền là 7.500.000 đồng. Xét thấy sự tự nguyện của bị cáo Lâm Thị Đ là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về xử lý vật chứng: Đối với các tài sản do cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Lâm Thị Đ gồm: Tiền Việt Nam 1.035.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng 18k có đính hột màu trắng, trọng lượng 0,235 chỉ; 01 điện thoại di động hiệu FPT X5 màu vàng-trắng. Để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo Đ cũng như đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại của bị cáo Đ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Tấn H. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã VC tiếp tục quản lý các tài sản nêu trên để đảm bảo việc thi hành án dân sự của bị cáo Lâm Thị Đ, theo Phiếu nhập kho số: NK27 ngày 24/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã VC.

- Tại phiên tòa xét thấy đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lâm Thị Đ (Chành Đ), phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 140; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

1. Xử phạt bị cáo Lâm Thị Đ (Chành Đ): **06 (sáu) tháng tù**. Thời gian phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 01/5/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Các Điều 584, 585, 586, 589, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lâm Thị Đ tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mã Tấn H số tiền là **7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng)**.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Mã Tấn H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo Lâm Thị Đ còn phải trả lãi cho ông H theo mức lãi suất

được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 xử lý như sau:

Giao cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã VC tiếp tục quản lý các tài sản gồm: Tiền Việt Nam 1.035.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng 18k có đính hột màu trắng, trọng lượng 0,235 chỉ; 01 điện thoại di động hiệu FPT X5 màu vàng-trắng; Theo Phiếu nhập kho số: NK27 ngày 24/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, để đảm bảo việc bồi thường thiệt hại của bị cáo Lâm Thị Đ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Tấn H.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lâm Thị Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lâm Thị Đ phải chịu 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).”

Nơi nhận:

- VKSND thị xã VC;
- CA thị xã VC;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo, bị hại; Người có QLNVLQ;
- Phòng Nghiệp vụ & THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vũ Phương